

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ II – MÔN TIN HỌC 12
NĂM HỌC 2021 - 2022

A. Nội dung kiến thức:

Bài 6: Biểu mẫu

Bài 7: Liên kết các bảng

Bài 8 Truy vấn dữ liệu

Bài 9: Báo cáo và kết xuất báo cáo

Bài 10. CSDL quan hệ

Bài 11: Các thao tác với CSDL quan hệ

B. Một số câu hỏi trắc nghiệm:

BÀI 6: BIỂU MẪU

Câu 1: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 2: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

- A. Tính toán cho các trường tính toán B. Sửa cấu trúc bảng

- C. Xem, nhập và sửa dữ liệu D. Lập báo cáo

Câu 3: Để tạo biểu mẫu, trước đó phải có dữ liệu nguồn là từ:

- A. Bảng hoặc mẫu hỏi B. Bảng hoặc báo cáo
C. Mẫu hỏi hoặc báo cáo D. Mẫu hỏi hoặc biểu mẫu

Câu 4: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:

- A. Create form for using Wizard B. Create form by using Wizard
C. Create form with using Wizard D. Create form in using Wizard

Câu 5: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách tự thiết kế, ta chọn:

- A. Create form in Design View B. Create form by using Wizard
C. Create form with using Wizard D. Create form by Design View

Câu 6: Cho các thao tác:

(1) Gõ tên cho biểu mẫu rồi nháy Finish

(2) Chọn đối tượng Form trong bảng chọn đối tượng rồi nháy đúp vào Create form by using wizard

(3) Chọn kiểu cho biểu mẫu rồi nhấn Next

(4) Chọn cách bố trí biểu mẫu rồi nhấn Next

(5) Trong hộp thoại Form Wizard, chọn bảng (hoặc mẫu hỏi) từ ô Tables/Queries, tiếp theo là chọn các trường đưa vào biểu mẫu rồi nhấn Next

Trình tự các thao tác để có thể thực hiện tạo biểu mẫu bằng cách dùng thuật sĩ sẽ là:

- A (2) - (5) - (3) - (4) - (1) B. A (2) - (5) - (4) - (3) - (1)

- C. (5) - (2) - (3) - (4) - (1) D. A (2) - (3) - (4) - (5) - (1)

Câu 7: Chỉnh sửa biểu mẫu (thay đổi hình thức biểu mẫu) chỉ thực hiện được ở chế độ:

- A. Thiết kế B. Trang dữ liệu C. Biểu mẫu D. Thuật sĩ

Câu 8: Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

A. Sửa đổi thiết kế cũ

B. Thiết kế mới cho biểu mẫu

C. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem, sửa đổi thiết kế cũ

D. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem, sửa đổi thiết kế cũ, xem, xóa, nhập dữ liệu.

Câu 9: Thao tác nào sau đây có thể thực hiện được trong chế độ biểu mẫu?

A. Thêm một bản ghi mới

B. Định dạng font chữ cho các trường dữ liệu

C. Tạo thêm các nút lệnh

D. Thay đổi vị trí các trường dữ liệu

Câu 10: Với chế độ biểu mẫu, ta có thể làm được việc gì trong những việc sau?

A. Chọn trường đưa vào mẫu hỏi

B. Gộp nhóm dữ liệu

C. Sắp xếp, lọc bản ghi thỏa mãn điều kiện

D. Sử dụng hàm ở nút lệnh Total

BÀI 7: LIÊN KẾT GIỮA CÁC BẢNG

Câu 1: Để tạo liên kết giữa các bảng, ta chọn:

- A. Tool/ Relationships hoặc nháy nút  B. Tool/ Relationships
C. Edit/ Insert/ Relationships D. Edit/ Relationships

Câu 2: Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng:

1. Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính(trường khóa làm khóa chính)
2. Chọn các tham số liên kết
3. Hiện thị hai bảng (các trường) muốn tạo liên kết
4. Mở cửa sổ Relationships

- A. 2□4□1□3 B. 4□3□1□2
C. 4□2□3□1 D. 3□1□4□2

Câu 3: Các bước để tạo liên kết giữa các bảng là:

1. Chọn Tool\Relationships...
2. Tạo liên kết đôi một giữa các bảng
3. Đóng hộp thoại Relationships/ Yes để lưu lại
4. Chọn các bảng sẽ liên kết

- A. 1, 4, 2, 3 B. 2, 3, 4, 1 C. 1, 2, 3, 4 D. 4, 2, 3, 1

Câu 4: Trong Access, để tạo liên kết giữa 2 bảng thì hai bảng đó phải có hai trường thỏa mãn điều kiện:

- A. Có tên giống nhau B. Có kiểu dữ liệu giống nhau
C. Có ít nhất một trường là khóa chính D. Cả A, B, C

Câu 5: Trong Access, khi tạo liên kết giữa các bảng, thì :

- A. Phải có ít nhất một trường là khóa chính B. Cả hai trường phải là khóa chính
C. Hai trường không nhất thiết phải là khóa chính D. Một trường là khóa chính, một trường không

Câu 6: Điều kiện để tạo mối liên kết giữa hai bảng là :

- A. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
B. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
C. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số
D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

Câu 7: Muốn xóa liên kết giữa hai bảng, trong cửa sổ Relationships ta thực hiện:

- A. Chọn hai bảng và nhấn phím Delete
B. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn phím Delete
C. Chọn tất cả các bảng và nhấn phím Delete
D. Cả A, B, C đều sai

BÀI 8: TRUY VẤN DỮ LIỆU

Câu 1: Truy vấn dữ liệu có nghĩa là:

- A. In dữ liệu
B. Tìm kiếm, tính toán, tổng hợp và hiện thị dữ liệu
C. Cập nhật dữ liệu
D. Xóa các dữ liệu không cần đến nữa

Câu 2: Nếu những bài toán phức tạp, liên quan tới nhiều bảng, ta sử dụng:

- A. Mẫu hỏi B. Bảng C. Báo cáo D. Biểu mẫu

Câu 3: Để hiện thị một số bản ghi nào đó trong cơ sở dữ liệu, thống kê dữ liệu, ta dùng:

- A. Mẫu hỏi B. Câu hỏi C. Liệt kê D. Trả lời

Câu 4: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?

- A. Thực hiện gộp nhóm B. Liên kết giữa các bảng
C. Chọn các trường muốn hiện thị ở hàng Show D. Nhập các điều kiện vào lưới QBE

Câu 5: Mẫu hỏi thường được sử dụng để:

- A. Sắp xếp các bản ghi, chọn các trường để hiện thị, thực hiện tính toán
B. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước
C. Tổng hợp và hiện thị thông tin từ nhiều bảng hoặc mẫu hỏi khác
D. Cả A, B và C

Câu 6: Các chế độ làm việc với mẫu hỏi là:

- A. Mẫu hỏi
B. Mẫu hỏi và thiết kế
C. Trang dữ liệu và thiết kế
D. Trang dữ liệu và mẫu hỏi

Câu 7: Kết quả thực hiện mẫu hỏi cũng đóng vai trò như:

- A. Một bảng
B. Một biểu mẫu
C. Một báo cáo
D. Một mẫu hỏi

Câu 8: Kết quả thực hiện mẫu hỏi có thể tham gia vào việc tạo ra:

- A. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi hay báo cáo
B. Bảng, biểu mẫu khác, mẫu hỏi khác hay các trang khác
C. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác hay báo cáo
D. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác

Câu 9: Phát biểu nào sai trong các phát biểu sau khi nói về mẫu hỏi?

- A. Biểu thức số học được sử dụng để mô tả các trường tính toán
B. Biểu thức logic được sử dụng khi thiết lập bộ lọc cho bảng, thiết lập điều kiện lọc để tạo mẫu hỏi
C. Hằng văn bản được viết trong cặp dấu nháy đơn
D. Hàm gộp nhóm là các hàm như: SUM, AVG, MIN, MAX, COUNT

Câu 10: “/” là phép toán thuộc nhóm:

- A. Phép toán so sánh
B. Phép toán số học
C. Phép toán logic
D. Không thuộc các nhóm trên

Câu 11: “>=” là phép toán thuộc nhóm:

- A. Phép toán so sánh
B. Phép toán số học
C. Phép toán logic
D. Không thuộc các nhóm trên

Câu 12: “not” là phép toán thuộc nhóm:

- A. Phép toán so sánh
B. Phép toán số học
C. Phép toán logic
D. Không thuộc các nhóm trên

Câu 13: Để xem hay sửa đổi thiết kế của mẫu hỏi, trước tiên ta chọn mẫu hỏi rồi nhấp nút:



A.



B.



C.

D.



hoặc



Câu 14: Cửa sổ mẫu hỏi ở chế độ thiết kế gồm hai phần là:

- A. Phần trên (dữ liệu nguồn) và phần dưới (lưới QBE)
B. Phần định nghĩa trường và phân khai báo các tính chất của trường
C. Phần chứa dữ liệu và phân mô tả điều kiện mẫu hỏi
D. Phần tên và phân tính chất

Câu 15: Khi xây dựng các truy vấn trong Access, để sắp xếp các trường trong mẫu hỏi, ta nhập điều kiện vào dòng nào trong lưới QBE?

- A. Criteria
B. Show
C. Sort
D. Field

Câu 16: Trong lưới QBE của cửa sổ mẫu hỏi (mẫu hỏi ở chế độ thiết kế) thì hàng Criteria có ý nghĩa gì?

- A. Mô tả điều kiện để chọn các bản ghi đưa vào mẫu hỏi
B. Xác định các trường xuất hiện trong mẫu hỏi
C. Xác định các trường cần sắp xếp
D. Khai báo tên các trường được chọn

Câu 17: Bảng DIEM có các trường MOT_TIET, HOC_KY. Để tìm những học sinh có điểm một tiết trên 7 và điểm thi học kỳ trên 5, trong dòng Criteria của trường HOC_KY, biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng:

- A. MOT_TIET > 7 AND HOC_KY > 5
B. [MOT_TIET] > 7 AND [HOC_KY] > 5
C. [MOT_TIET] > 7 OR [HOC_KY] > 5
D. [MOT_TIET] > "7" AND [HOC_KY] > "5"

Câu 18: Bảng DIEM có các trường MOT_TIET, HOC_KY. Trong Mẫu hỏi, biểu thức số học để tạo trường mới TRUNG_BINH, lệnh nào sau đây là đúng:

- A. TRUNG_BINH: (2* [MOT_TIET] + 3*[HOC_KY])/5
B. TRUNG_BINH: (2* MOT_TIET + 3*HOC_KY)/5
C. TRUNG_BINH: (2* [MOT_TIET] + 3*[HOC_KY]):5
D. TRUNG_BINH= (2* [MOT_TIET] + 3*[HOC_KY])/5

Câu 19: Để thêm hàng Total vào lưới thiết kế QBE, ta nhấp vào nút lệnh:



A.



B.



C.



D.

Câu 20: Để thực hiện mẫu hỏi (đưa ra kết quả của truy vấn) ta có thể sử dụng cách nào sau đây?



A. Nháy nút

B. Nháy nút



C. Nháy nút



D. Nháy nút

BÀI 9: BÁO CÁO VÀ KẾT XUẤT BÁO CÁO

Câu 1: Để tạo báo cáo bằng thuật sĩ, ta thực hiện:

- A. Chọn Form, chọn Create Form in Design View. B. Chọn Form, chọn Create Form by using Wizard.
C. Chọn Table, chọn Create Form by using Wizard. **D. Chọn Report, chọn Create Form by using Wizard.**

Câu 2: Với báo cáo, ta không thể làm được việc gì trong những việc sau?

- A. Chọn trường đưa vào báo cáo B. Gộp nhóm dữ liệu
C. Lọc những bản ghi thỏa mãn điều kiện nào đó D. Sắp thứ tự các bản ghi

Câu 3: Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị ở chế độ nào?

- A. Chế độ thiết kế B. Chế độ trang dữ liệu C. Chế độ biểu mẫu **D. Chế độ xem trước**

Câu 4: Báo cáo lấy dữ liệu từ những nguồn nào?

- A. Bảng B. Biểu mẫu C. Biểu mẫu khác **D. Bảng hoặc mẫu hỏi**

Câu 5: Để thiết kế báo cáo, ta thực hiện:

- A. Queries/Design View B. Form/Design View
C. Table/Design View **D. Report/Design View**

Câu 6: Để tạo báo cáo thống kê ĐTB môn toán theo từng tổ, trường nào được chọn để gộp nhóm?

- A. Trường ĐTB. B. Trường Toán. C. Trường Tên. **D. Trường Tổ.**

Câu 7: Để tạo báo cáo thống kê ĐTB môn toán theo từng tổ, trường nào được chọn để thống kê dữ liệu và hàm thống kê là gì?

- A. Trường Toán, thống kê theo hàm AVG.** B. Trường Toán, thống kê theo hàm MAX.
C. Trường Tổ, thống kê theo hàm AVG. D. Trường Tổ, thống kê theo hàm MAX.

Câu 8: Theo em, báo cáo có thể được chỉnh sửa những gì sau khi được tạo xong bằng thuật sĩ?

- A. Gõ tiêu đề tiếng Việt. B. Căn chỉnh độ rộng, căn lề.
C. Di chuyển vị trí các trường cho hợp lý. **D. Gõ tiêu đề tiếng Việt, định dạng, căn chỉnh, di chuyển vị trí**

Câu 9: Khi mở một báo cáo bằng cách kích đúp chuột vào tên, nó được hiển thị ở chế độ nào?

- A. Chế độ thiết kế B. Chế độ trang dữ liệu
C. Chế độ biểu mẫu **D. Chế độ xem trước**

Câu 10: Cho bảng DS_Ban gồm các trường : Hoten, Ngaysinh, Dien thoai, Diachi, Truonghoc (Trường đang theo học). Để hiển thị danh sách các bạn theo nhóm học cùng 1 trường, ta dùng đối tượng nào trong Access để thực hiện?

- A. Bảng B. Biểu mẫu **C. Báo cáo** D. Mẫu hỏi

BÀI 10: CSDL QUAN HỆ

Câu 1: Khẳng định nào sau đây về CSDL quan hệ là đúng ?

- A. CSDL được xây dựng dựa trên mô hình dữ liệu quan hệ;**
B. Cơ sở dữ liệu được tạo ra từ hệ QTCSDL Access;
C. Cơ sở dữ liệu mà giữa các dữ liệu có quan hệ với nhau.
D. Tập hợp các bảng dữ liệu

Câu 2: Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về đặc trưng chính của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Mỗi quan hệ có một tên phân biệt với tên các quan hệ khác
B. Các bộ là không phân biệt và thứ tự của các bộ là quan trọng
C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt, thứ tự các thuộc tính không quan trọng
D. Quan hệ không có thuộc tính là đa trị hay phức hợp

Câu 3: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là việc nào trong các việc dưới đây?

- A. Tạo lập một hay nhiều bảng** B. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
C. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu D. Tạo ra một hay nhiều báo cáo

Câu 4: Khóa của một bảng là một tập hợp gồm một hay một số thuộc tính có tính chất:

- A. Nhận diện các bộ C. Số thuộc tính là nhỏ nhất
B. Vừa đủ phân biệt các bộ D. Liên kết các bảng lại với nhau

Câu 5: Hãy chọn phương án đúng. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

- A. Địa chỉ của các bảng **B. Thuộc tính khóa**
C. Tên trường D. Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

Câu 6: Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng
B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó
C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia

D. Các khóa liên kết phải là khóa của mỗi bảng

Câu 7: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì chọn trường SOBH làm khóa chính hơn vì

A. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải kiểu số

B. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất

C. Trường SOBH là trường ngắn hơn

D. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN

Câu 8: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO – 012	5 – 9 – 2007	30 – 9 – 2007
TV-04	TN – 103	12 – 9 - 2007	15 – 9 - 2007
TV-02	TN – 102	24 – 9 - 2007	5 – 10 - 2007
TV-01	TO – 012	12 – 10 - 2007	12 – 10 - 2007

Bảng đó không phải là một quan hệ vì:

A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt

B. Không có thuộc tính tên người mượn

C. Có một cột thuộc tính là phức hợp

D. Số bản ghi quá ít.

Câu 9: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

C. Phần mềm Microsoft Access

D. Phần mềm để giải các bài toán quản lý có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

Câu 10: Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (MaHS), các mã số khác nhau:

MaHS	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Phương án chọn khoá nào sau đây là hợp lý?

A. Khoá = {MaHS, HoTen, Ngaysinh}

B. Khoá = {MaHS, HoTen, Ngaysinh, Lop}

C. Khoá = {MaHS, HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

D. Khoá = {MaHS, HoTen, Diachi}

BÀI 11 THAO TÁC VỚI CSDL QUAN HỆ

Câu 1: Các bước chính để tạo CSDL quan hệ:

1. Chọn khóa chính cho bảng.

2. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng.

3. Tạo bảng.

4. Tạo liên kết bảng.

A. 1-2-3-4

B. 4-3-2-1

C. 3-1-2-4

D. 3-2-1-4

Câu 2: Hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép cập nhật dữ liệu qua các thao tác:

A. Thêm mới, xóa, chỉnh sửa dữ liệu các bộ.

B. Sắp xếp, thêm dữ liệu các bộ.

C. Tìm kiếm, thống kê

D. In dữ liệu các bộ

Câu 3: Những việc mà một hệ QTCSDL quan hệ thường cho phép khi khai thác dữ liệu là:

A. Sắp xếp, thêm dữ liệu các bộ.

B. Tìm kiếm, thống kê các bộ

C. Chỉnh sửa dữ liệu các bộ

D. Xóa dữ liệu ở các bộ

Câu 4: Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?

A. Nhập dữ liệu ban đầu

B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp

C. Xem dữ liệu

D. Thêm bản ghi

Câu 5: Hãy chọn phương án ghép đúng. Mọi hệ QTCSDL quan hệ đều:

A. Có khả năng khôi phục lại một bản ghi đã xóa

B. Có thể xóa khoá chính, tạo khoá chính mới

C. Có thể khôi phục lại một cột của bảng đã bị xóa

D. Có thể khôi phục lại dữ liệu cũ cột B sau khi sao chép dữ liệu từ cột A sang cột B

